

LƯU Ý:

- **Thông tin tuyển sinh sẽ được đăng tải thường xuyên tại các trang sau:**
 - o <https://vaa.edu.vn/thong-bao-tuyen-sinh/> đây là trang thông tin điện tử chính thức của trường
 - o <https://tuyensinh.vaa.edu.vn/> đây là website tuyển sinh chính thức của trường.
 - o <https://www.facebook.com/groups/tuvantuyensinhhhk> group tư vấn tuyển sinh chính thức và duy nhất của trường.
 - o <https://www.facebook.com/hvhangkhongvietnam> facebook chính thức của trường.
- **Hệ thống tuyển sinh online của Học viện:** là website của Học viện dùng để nộp minh chứng tuyển sinh online hoặc đăng ký xét học bổng tuyển sinh tại địa chỉ: <https://tuyensinh.vaa.edu.vn/vi/nop-minh-chung>
- **Minh chứng tuyển sinh:** là các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (IELTS, TOEFL, TOEIC 4 kỹ năng, HSK, TOPIK) sẽ được dùng để quy đổi thành điểm môn Ngoại ngữ trong xét tuyển; hoặc giải thưởng học sinh giỏi cấp quốc tế, quốc gia, tỉnh/TPTW được quy đổi thành điểm cộng; điểm quốc tế SAT / ACT/ IB.... Chi tiết được quy định trong thông tin tuyển sinh của HV.
- **Hệ thống của Bộ GDĐT/ Trang thông tin của Bộ GDĐT/ Cổng của Bộ GDĐT:** là website của Bộ GDĐT có địa chỉ <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn/>; trang web này được dùng để: (1) học sinh lớp 12 đăng ký thi tốt nghiệp; (2) đăng ký nguyện vọng xét tuyển đại học chính quy (tất cả đối tượng thí sinh, bao gồm cả thí sinh tự do bắt buộc phải thực hiện bước này mới được xét tuyển).
- **Thí sinh tự do:** là thí sinh đã tốt nghiệp THPT các năm trước nhưng muốn xét lại đại học năm nay.
- **Học sinh lớp 12:** các bạn sẽ thi tốt nghiệp THPT năm, hoặc đã hoàn thành chương trình lớp 12 nhưng chưa tốt nghiệp các năm trước.

Quy trình chung:

Nội dung	Bước 1 Nộp minh chứng tuyển sinh cho Học viện (nếu có) Đăng ký xét học bổng	Bước 2 Đăng ký tài khoản của Bộ GDĐT (nếu có)	Bước 3 Đăng ký nguyện vọng trên Cổng thông tin của Bộ GDĐT (bắt buộc)	Bước 4 Chờ kết quả và nhập học	Bước 5 Xét tuyển đợt bổ sung (NẾU CÓ)	Bước 6 Chờ kết quả và nhập học
Cách thức thực hiện	ONLINE 100%	TRỰC TIẾP TẠI SỞ GDĐT ĐỊA PHƯƠNG	ONLINE 100%	TRỰC TIẾP TẠI HỌC VIỆN	ONLINE 100%	TRỰC TIẾP TẠI HỌC VIỆN
Thời gian	Tháng 5 – giữa đầu tháng 6/2026	Từ 01/05/2026 đến 20/05/2026	Từ 02/7/2026 đến 17h00 ngày 14/07/2026	Có lịch cụ thể sau, dự kiến bắt đầu vào giữa tháng 8/26	Sau ngày 15/08/2026	Đầu tháng 09/2026
Đối tượng thực hiện	Tất cả thí sinh nếu có minh chứng tuyển sinh	Thí sinh tự do (Học sinh lớp 12 đã có sẵn tài khoản thì không cần làm bước này)	Tất cả thí sinh	Tất cả thí sinh	Thí sinh trúng tuyển đợt chính thức mà không ưng ý, muốn đổi ngành. Hoặc rút đợt chính thức muốn xét tiếp.	Tất cả thí sinh

CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN CỤ THỂ

Bước 2: đăng ký nguyện vọng xét tuyển thông qua hệ thống của Bộ GDĐT

- Chọn mã trường: HHK
- Chọn mã xét tuyển
- Chọn thứ tự nguyện vọng ưu tiên (NV1 là cao nhất,...)

Lưu ý: chỉ cần đặt NVXT vào trường, trường sẽ tự động xét tất cả các phương thức: điểm thi THPT, học bạ 3 năm, ĐGNL (nếu có), SAT / ACT/ IB (nếu có). Theo quy tắc: hệ thống tự chọn ra tổ hợp xét tuyển hoặc phương thức xét tuyển có điểm cao nhất của thí sinh để đưa vào xét tuyển.

Bước 3: chờ kết quả và thông báo nhập học qua website: vaa.edu.vn

2. Đối với thí sinh tự do:

Bước 1: nộp minh chứng tuyển sinh (NẾU CÓ); nộp điểm học bạ cho Học viện.

Bước 2: đăng ký tài khoản Bộ GDĐT

Bước 3: đăng ký nguyện vọng xét tuyển thông qua hệ thống của Bộ GDĐT

- Chọn mã trường: HHK
- Chọn mã xét tuyển
- Chọn thứ tự nguyện vọng ưu tiên (NV1 là cao nhất,...)

Lưu ý: chỉ cần đặt NVXT vào trường, trường sẽ tự động xét tất cả các phương thức. Theo quy tắc: hệ thống tự chọn ra tổ hợp xét tuyển hoặc phương thức xét tuyển có điểm cao nhất và có lợi nhất cho thí sinh để đưa vào xét tuyển.

Bước 4: chờ kết quả và thông báo nhập học qua website: vaa.edu.vn

Các trường hợp đặc biệt khác: gửi email về tuyensinh@vaa.edu.vn để được tư vấn./.

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Đại học chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Học viện Hàng không Việt Nam

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: HHK

3. Địa chỉ các trụ sở:

Cơ sở 1 (trụ sở chính): 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: 18A/1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 243 Nguyễn Tất Thành, Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa (Sân bay Cam Ranh)

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://vaa.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 028.38.424762

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi): <https://vaa.edu.vn>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...) <https://vaa.edu.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY:

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

1.1 Đối tượng dự tuyển: thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT).

1.2 Điều kiện dự tuyển:

- Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào và điều kiện về nguồn tuyển quy định tại mục 3.1 Thông báo này;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh:

2.1 Tổ hợp xét tuyển, Điểm cộng, Điểm ưu tiên:

2.1.1 Tổ hợp xét tuyển: Gồm 03 môn, các tổ hợp bình đẳng nhau (không có độ lệch giữa các tổ hợp) theo bảng sau:

Tên nhóm mã THXT	Môn thứ nhất	Môn thứ hai	Môn thứ 3
	<i>Nhân 3</i>	<i>Nhân 2</i>	<i>Nhân 1</i>
TA01	Ngoại ngữ	Văn	Tự chọn cao nhất
TA02	Ngoại ngữ	Toán	Tự chọn cao nhất
DT01	Tự chọn cao nhất	Văn	Tự chọn cao nhì
DT02	Tự chọn cao nhất	Toán	Tự chọn cao nhì

Nhóm mã tổ hợp xét tuyển: là tập hợp tất cả các tổ hợp xét tuyển thỏa mãn 03 môn theo bảng trên.

Môn tự chọn là môn có điểm cao thứ nhất và thứ nhì trong các môn sau: Toán, Anh, Văn, Sử, Địa, GDKT&PL, Lý, Hóa, Sinh, Tin, Công nghệ (các môn không trùng với môn đã có trong tổ hợp). Học viện không xét môn GD&ĐT.

Môn ngoại ngữ: là môn Tiếng Anh (đối với tất cả các ngành), riêng ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc được chọn thêm môn Tiếng Hàn, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc được chọn thêm môn Tiếng Trung.

Lưu ý: Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tại mục 5.2 được quy đổi và thay thế cho điểm môn Ngoại ngữ theo quy tắc: điểm nào cao hơn sẽ giữ lại và đưa vào xét tuyển.

2.1.2 Điểm cộng:

Thí sinh đạt các danh hiệu, giải thưởng cấp Quốc tế, Quốc gia, địa phương sau sẽ được Học viện quy đổi thành điểm cộng, cụ thể như sau:

T T	Giải thưởng và thứ hạng thành tích	Điểm cộng					
		THPT và HB	ĐGNL HCM	ĐGNL HN	SAT	ACT	IB
1	Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia nhưng không dùng quyền tuyển thẳng.	3,0	120,00	15,00	160,00	3,60	4,20
2	Thí sinh có một trong các giải thưởng/danh hiệu sau: - Giải khuyến khích hoặc giải tư các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc kỳ thi khoa học kỹ thuật quốc tế, quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia;	1,5	60	7,5	80	1,8	2,1

T T	Giải thưởng và thứ hạng thành tích	Điểm cộng					
		THPT và HB	ĐGNL HCM	ĐGNL HN	SAT	ACT	IB
	- Giải nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trung ương do Sở GDĐT tổ chức; - Huy chương vàng trong Cuộc thi Olympic truyền thống 30 tháng 4 khu vực phía Nam; Ngày hội Olympic Tháng 4 TP.HCM do Sở GDĐT TP.HCM tổ chức.						
3	Thí sinh có một trong các giải thưởng/danh hiệu sau: - Giải nhì trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trung ương do Sở GDĐT tổ chức; - Huy chương bạc trong Cuộc thi Olympic truyền thống 30 tháng 4 khu vực phía Nam; Ngày hội Olympic Tháng 4 TP.HCM do Sở GDĐT TP.HCM tổ chức.	1,0	40	5,0	53,33	1,2	1,4
4	Thí sinh có một trong các giải thưởng/danh hiệu sau: - Giải ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trung ương do Sở GDĐT tổ chức; - Huy chương đồng trong Cuộc thi Olympic truyền thống 30 tháng 4 khu vực phía Nam; Ngày hội Olympic Tháng 4 TP.HCM do Sở GDĐT TP.HCM tổ chức.	0,5	20	2,5	26,67	0,6	0,7

Lưu ý:

- Thí sinh có nhiều giải thưởng thì chỉ lấy giải có điểm cộng cao nhất.
- Áp dụng cho thí sinh đoạt giải từ năm 2023 đến năm 2026.
- Áp dụng cho cả hai đối tượng là thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026 và thí sinh tự do đã tốt nghiệp các năm trước; không áp dụng cho các cuộc thi học sinh giỏi dành cho học sinh GDTX.
- Trừ giải thưởng của cuộc thi KHKT, môn đoạt giải phải là các môn có trong các tổ hợp xét tuyển tại Học viện (xem mục 2.1.1).
- Một số trường hợp đặc biệt khác: do Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định.

2.1.3 Điểm ưu tiên:

Điểm ưu tiên là điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT. Trong đó, điểm ưu tiên khu vực chỉ áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp THPT trong năm 2026 và 2025. Được tính như sau:

Điểm ưu tiên = Điểm UT khu vực + Điểm UT đối tượng

TT	Khu vực, đối tượng ưu tiên	Mức hưởng điểm ưu tiên theo các phương thức					
		THPT và HB	ĐGNL-HCM	ĐGNL-HN	SAT	ACT	IB
1	Khu vực 1	0,75	30,00	3,75	40,00	0,90	1,05
2	Khu vực 2NT	0,50	20,00	2,50	26,67	0,60	0,70
3	Khu vực 2	0,25	10,00	1,25	13,33	0,30	0,35
4	Khu vực 3	0	0	0	0	0	0
5	Nhóm đối tượng ưu tiên 1 (ĐTUT 1, 2, 3)	2,00	80,00	10,00	106,67	2,40	2,80
6	Nhóm đối tượng ưu tiên 2 (ĐTUT 4, 5, 6)	1,00	40,00	5,00	53,33	1,20	1,40

2.1.4 Quy tắc cộng điểm cộng và điểm ưu tiên:

- Tổng điểm xét tuyển của thí sinh sau khi cộng điểm cộng không vượt quá thang điểm tối đa của phương thức đó (nếu vượt quá sẽ bằng điểm tối đa của phương thức đó);
- Tổng điểm cộng của thí sinh không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét tuyển của phương thức đó;
- Cách tính điểm ưu tiên (theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT) quy đổi theo các phương thức:

TT	Phương thức	Công thức tính điểm ưu tiên
1	THPT	Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{điểm xét tuyển})/7,5] \times \text{Mức hưởng ưu tiên}$
2	Học bạ	Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{điểm xét tuyển})/7,5] \times \text{Mức hưởng ưu tiên}$
3	ĐGNL-HCM	Điểm ưu tiên = $[(1200 - \text{điểm xét tuyển})/300] \times \text{Mức hưởng ưu tiên}$
4	ĐGNL-HN	Điểm ưu tiên = $[(150 - \text{điểm xét tuyển})/37,5] \times \text{Mức hưởng ưu tiên}$
5	SAT	Điểm ưu tiên = $[(1600 - \text{điểm xét tuyển})/400] \times \text{Mức hưởng ưu tiên}$
6	ACT	Điểm ưu tiên = $[(36 - \text{điểm xét tuyển})/9] \times \text{Mức hưởng ưu tiên}$
7	IB	Điểm ưu tiên = $[(42 - \text{điểm xét tuyển})/10,5] \times \text{Mức hưởng ưu tiên}$

Trong đó: Điểm xét tuyển đã bao gồm điểm cộng, đã làm tròn đến hai chữ số thập phân.

2.2 Phương thức xét tuyển:

2.2.1 Phương thức 1: Xét tuyển bằng điểm kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026 (THPT):

Công thức tính:

Điểm xét tuyển = (Điểm môn thứ nhất x 3 + Điểm môn thứ hai x 2 + Điểm môn thứ ba) / 2 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên

Trong đó:

- **Điểm môn thứ nhất, Điểm môn thứ hai, Điểm môn thứ ba:** xem mục 2.1.1.
- **Điểm cộng, Điểm ưu tiên:** xem mục 2.1.2 và 2.1.3.
- **Điểm xét tuyển** tính theo thang 30 và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Lưu ý: Học viện không chấp nhận điểm thi bảo lưu để xét tuyển.

2.2.2 Phương thức 2: xét tuyển bằng kết quả học bạ 03 năm THPT (cả năm lớp 10, 11 và 12):

Công thức tính:

Điểm xét tuyển = (TB3N của môn thứ nhất x 3 + TB3N của môn thứ hai x 2 + TB3N của môn thứ ba) / 2 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên

Trong đó:

- **TB3N: điểm trung bình 03 năm THPT của môn đó (tính theo thang 10).**
- **Điểm môn thứ nhất, Điểm môn thứ hai, Điểm môn thứ ba:** xem mục 2.1.1.
- **Điểm cộng, Điểm ưu tiên:** xem mục 2.1.2 và 2.1.3.
- **Điểm xét tuyển** tính theo thang 30 và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Lưu ý:

- Điểm học bạ của thí sinh tự do tốt nghiệp trước năm 2026 và thí sinh tốt nghiệp năm 2026 đều được xét bình đẳng khi sử dụng phương thức này.

- Thí sinh tốt nghiệp năm 2026 phải đạt điều kiện về ngưỡng đầu vào và nguồn tuyển để được tham gia xét tuyển bằng phương thức này (xem mục 3.1).

2.2.3 Phương thức 3: xét tuyển bằng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức:

Công thức tính:

Điểm xét tuyển = Điểm kỳ thi Đánh giá năng lực + Điểm cộng + Điểm ưu tiên

Trong đó:

- **Điểm kỳ thi Đánh giá năng lực** là điểm thi năm 2026.
- **Điểm cộng, Điểm ưu tiên:** xem mục 2.1.2 và 2.1.3.
- **Điểm xét tuyển ĐHQG - HCM** tính theo thang 1200, **ĐHQG - Hà Nội** tính theo thang 150.

Lưu ý: Thí sinh tốt nghiệp năm 2026 phải đạt điều kiện về ngưỡng đầu vào và nguồn tuyển để được tham gia xét tuyển bằng phương thức này (xem mục 3.1).

2.2.4 Phương thức 4: xét tuyển bằng Chứng chỉ tuyển sinh Quốc tế SAT/ACT/IB (QT):

Công thức tính:

Điểm xét tuyển = Điểm SAT/ACT/IB + Điểm cộng + Điểm ưu tiên

Trong đó:

- **Điểm SAT, ACT, IB:** Trường lấy điểm thi trong vòng 12 tháng tính đến ngày 31/08/2026.
- **Điểm cộng, Điểm ưu tiên:** xem mục 2.1.2 và 2.1.3.
- Điểm xét tuyển SAT tính theo thang 1600, điểm ACT tính theo thang 36, điểm IB tính theo thang 42.

Lưu ý: Thí sinh tốt nghiệp năm 2026 phải đạt điều kiện về ngưỡng đầu vào và nguồn tuyển để được tham gia xét tuyển bằng phương thức này (xem mục 3.1).

2.2.5 Phương thức 5: xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GDĐT quy định (TT):

* Trường hợp 1:

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm đăng ký xét tuyển thẳng đã tốt nghiệp THPT thì được tuyển thẳng vào Học viện.

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm đăng ký xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp THPT thì được tuyển thẳng vào Học viện.

Môn học/Lĩnh vực đoạt giải	Ngành được tuyển thẳng
Toán, Văn, Sử, Địa, Anh, GDKT&PL	Quản trị kinh doanh; Quản trị nhân lực; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Trung Quốc; Kinh tế vận tải; Kinh doanh quốc tế; Marketing; Kinh tế số; Công nghệ tài chính
Toán, Văn, Anh	Quản lý hoạt động bay
Toán, Lý, Hóa, Anh, Tin, Sinh, Công nghệ	Kỹ thuật hàng không; Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều

Môn học/Lĩnh vực đoạt giải	Ngành được tuyển thẳng
	kiến và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Kiến trúc cảnh quan.
Tiếng Trung	Ngôn ngữ Trung Quốc
Tiếng Nhật	Ngôn ngữ Hàn Quốc

***Trường hợp 2:** căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo, Giám đốc xem xét và quyết định nhận vào học các trường hợp dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

Trường hợp	Ngành tuyển thẳng	
<p>Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.</p> <p>Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ.</p> <p>Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>Tất cả các ngành trừ Quản lý hoạt động bay và Kỹ thuật Hàng không.</p>	
<p>Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT</p>		<p>Tùy hồ sơ và học lực của thí sinh, Giám đốc sẽ ra quyết định cho từng trường hợp cụ thể.</p>
<p>Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT.</p>		<p>Tùy hồ sơ và học lực của thí sinh, Giám đốc sẽ ra quyết định cho từng trường hợp cụ thể.</p>
<p>Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do Học viện quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường</p>	<p>Tùy hồ sơ, học lực và tình trạng sức khỏe của thí sinh mà Giám đốc sẽ ra quyết định cho từng trường hợp cụ thể.</p>	

Các trường hợp đặc biệt khác do Giám đốc hoặc Hội đồng tuyển sinh quyết định.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh:

3.1 Ngưỡng đầu vào và điều kiện về nguồn tuyển:

Ngưỡng đầu vào (ngưỡng đảm bảo chất lượng) là mức điểm tối thiểu thí sinh phải đạt được để đăng ký xét tuyển vào ngành. Đối với phương thức xét tuyển có nhiều mã tổ hợp xét tuyển thì được áp dụng chung cho tất cả tổ hợp xét tuyển của phương thức đó. Mức điểm này có thể được điều chỉnh và công bố quy tắc quy đổi tương đương theo hướng dẫn của Bộ GDĐT trước 17h ngày 10/07/2026 trên trang web <https://vaa.edu.vn>.

Đối với các phương thức không sử dụng điểm thi THPT (học bạ, đánh giá năng lực, SAT / ACT / IB) thì thí sinh cần đáp ứng: có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (hoặc tương đương) tương ứng với 03 môn trong tổ hợp xét tuyển học bạ (hoặc điểm thi THPT 03 môn Toán, Ngữ Văn và một môn tự chọn bất kỳ) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30. **Điều kiện này không áp dụng đối với:** thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT trước năm 2026; thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT; thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (phương thức 5 của Học viện).

TT	Mã ngành chung	Tên ngành chung (tất cả chuyên ngành)	Ngưỡng đầu vào năm 2026						
			THPT (thang 30)	HB (thang 30)	DGNL HCM (thang 1200)	DGNL HN (thang 150)	SAT (thang 1600)	ACT (thang 36)	IB (thang 42)
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	17	19	575	78	1130	23	29
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc*	17	19	575	78	1130	23	29
3	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc*	17	19	575	78	1130	23	29
4	7310109	Kinh tế số*	17	19	575	78	1130	23	29
5	7340101	Quản trị kinh doanh	17	19	575	78	1130	23	29
6	7340120	Kinh doanh quốc tế	17	19	575	78	1130	23	29
7	7340404	Quản trị nhân lực	17	19	575	78	1130	23	29
8	7340115	Marketing	17	19	575	78	1130	23	29
9	7340205	Công nghệ tài chính*	17	19	575	78	1130	23	29
10	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	17	19	575	78	1130	23	29
11	7840104	Kinh tế vận tải	17	19	575	78	1130	23	29
12	7840102	Quản lý hoạt động bay	20	22	650	85	1230	25	32
13	7520120	Kỹ thuật hàng không	20	22	650	85	1230	25	32
14	7480201	Công nghệ thông tin	17	19	575	78	1130	23	29
15	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	16	18	550	75	1100	22	28

16	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	16	18	550	75	1100	22	28
17	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	16	18	550	75	1100	22	28
18	7580102	Kiến trúc cảnh quan*	16	18	550	75	1100	22	28
* là ngành dự kiến mở năm 2026									

3.2 Điểm trúng tuyển:

Mỗi phương thức xét tuyển có mức điểm trúng tuyển riêng, được tính theo thang điểm tối đa của phương thức đó. Học viện áp dụng quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Thí sinh được phép đặt tối đa 15 nguyện vọng xét tuyển, trong đó NV1 là cao nhất. Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng xét tuyển cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký. Các nguyện vọng trong cùng ngành bình đẳng nhau (không phân biệt nguyện vọng cao/thấp). Nếu thí sinh trúng tuyển nhiều phương thức khác nhau ở nguyện vọng trúng tuyển cao nhất, thì phương thức mà thí sinh trúng tuyển sẽ ưu tiên theo thứ tự từ cao đến thấp: điểm thi THPT, HB, ĐGNL-HCM, ĐGNL-HN, SAT, ACT, IB. Trường hợp thí sinh bằng điểm trúng tuyển ở cuối danh sách thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Học viện áp dụng cả 05 phương thức xét tuyển cho tất cả chuyên ngành đào tạo, ngành đào tạo (mục 2.2).

Đối với phương thức xét điểm thi THPT và xét học bạ sử dụng chung nhóm mã tổ hợp xét tuyển (xem bảng 2.1). Các phương thức còn lại không có tổ hợp xét tuyển.

Lưu ý: ngoài điều kiện về điểm xét tuyển, thí sinh còn phải đạt điều kiện về ngưỡng đầu vào và nguồn xét tuyển (mục 3.1) và tiêu chí phụ về Tiếng Anh nếu có (mục 5.1).

TT	Mã ngành đào tạo	Tên ngành đào tạo	Mã xét tuyển	Tên chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu DỰ KIẾN	Nhóm mã THXT
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	- Tiếng Anh hàng không - Tiếng Anh du lịch, thương mại	720	TA01
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	- Ngôn ngữ Trung Quốc*	120	TA02
3	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	- Ngôn ngữ Hàn Quốc*	120	
4	7310109	Kinh tế số	7310109	- Kinh tế số*	120	
5	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	- Quản trị Kinh doanh vận tải hàng không - Quản trị Kinh doanh cảng hàng không - Quản trị an ninh hàng không - Quản trị kinh tế không gian	780	DT01 DT02

TT	Mã ngành đào tạo	Tên ngành đào tạo	Mã xét tuyển	Tên chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu DỰ KIẾN	Nhóm mã THXT
				- Quản trị Kinh doanh quốc tế - Quản trị Kinh doanh tổng hợp		
			7340101D	- Kinh doanh số	120	
			7340101E	- Quản trị hàng không (học bằng tiếng Anh)	50	TA01 TA02
6	7340115	Marketing	7340115	- Digital Marketing - Công nghệ marketing	240	DT01 DT02
7	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	- Thương mại quốc tế	240	
8	7340205	Công nghệ tài chính	7340205	- Công nghệ tài chính*	120	
9	7340404	Quản trị nhân lực	7340404	- Quản trị nhân lực	320	
10			7480201S	- Công nghệ phần mềm và Trí tuệ nhân tạo	240	
11	7480201	Công nghệ thông tin	7480201I	- Trí tuệ nhân tạo và Internet vạn vật	240	
12			7480201B	- Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn	240	
13			7510102X	- Xây dựng và phát triển cảng hàng không	120	
14	7510102	Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng	7510102Q	- Quản lý và khai thác cảng hàng không	180	DT02
15			7510302A	- Điện tử ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT)	60	
16	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302V	- Điện tử viễn thông và Trí tuệ nhân tạo (AI)	60	
17			7510303U	- Thiết bị bay không người lái và Robotics	60	
18	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển & tự động hóa	7510303A	- Điện tử đóng cảng hàng không	60	
19			7520120E	- Kỹ thuật hàng không (học bằng tiếng Anh)	50	TA02
20			7520120	- Kỹ thuật hàng không	180	
21	7520120	Kỹ thuật hàng không	7520120M	- Kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay	60	DT02
22			7520120U	- Kỹ thuật thiết bị bay không người lái	60	
23	7580102	Kiến trúc cảnh quan	7580102	- Kiến trúc cảnh quan*	60	DT02
24			7810103T	- Quản trị lữ hành	240	
25			7810103H	- Quản trị nhà hàng khách sạn	240	
26	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103A	- Quản trị dịch vụ thương mại hàng không (tích hợp chứng chỉ nhân viên hàng không)	240	DT01 DT02
27			7810103F	- Quản trị ẩm thực*	120	
28			7810103M	- Quản trị du lịch MICE và tổ chức sự kiện*	120	
29			7840102E	Quản lý hoạt động bay (học bằng tiếng Anh)	50	TA02
30	7840102	Quản lý hoạt động bay	7840102	- Quản lý hoạt động bay - Hệ thống kỹ thuật quản lý bay	180	DT02
31			7840104E	- Logistics và vận tải đa phương thức (học bằng tiếng Anh)	50	TA01 TA02
32	7840104	Kinh tế vận tải	7840104K	- Kinh tế hàng không	300	DT01 DT02
33			7840104	- Logistics và quản lý chuỗi cung ứng - Logistics và vận tải đa phương thức	420	
Tổng chỉ tiêu dự kiến					6.580	

Lưu ý:

- Những ngành có dấu * là ngành mới mở năm 2026.
- Nhóm mã THXT TA01 và TA02 áp dụng cho các ngành Ngôn ngữ và các chuyên

- ngành học bằng Tiếng Anh, vì vậy bên cạnh điều kiện về ngưỡng đầu vào thì thí sinh phải đáp ứng tiêu chí phụ về điểm Tiếng Anh (xem mục 5.1).
- Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc: được phép dùng môn Tiếng Hàn thay cho môn Anh;
 - Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc: được phép dùng môn Tiếng Trung thay cho môn Tiếng Anh.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1 Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Thí sinh đăng ký xét tuyển các ngành Ngôn ngữ và những chương trình học bằng Tiếng Anh (có nhóm mã THXT là TA01, TA02) phải đáp ứng thêm một trong các điều kiện sau:

- Điểm thi THPT môn TA năm 2026 từ 6,0 trở lên;
- Điểm học bạ cả năm lớp 12 của môn TA từ 7,0 trở lên;
- Chứng chỉ TA quốc tế IELTS từ 4,5 trở lên (hoặc tương đương).

Trường hợp ngoại lệ:

Thí sinh thuộc hai nhóm sau đây sẽ được miễn tiêu chí phụ ngoại ngữ: (1) trúng tuyển bằng chứng chỉ quốc tế (SAT, ACT (B) và (2) trúng tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GDĐT có môn đoạt giải là Tiếng Anh. Quy định miễn xét này cũng áp dụng đối với thí sinh có môn đoạt giải là Tiếng Trung khi xét tuyển vào ngành Ngôn ngữ Trung, hoặc môn Tiếng Hàn khi dự tuyển vào ngành Ngôn ngữ Hàn.

5.2 Quy đổi Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế sang điểm môn Ngoại ngữ trong xét tuyển:

Các Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế sau đây được quy đổi thành điểm môn Ngoại ngữ trong xét tuyển theo điểm thi THPT và học bạ. Thí sinh cần phải nộp chứng chỉ hợp lệ về cho Học viện trong thời gian quy định để được quy đổi trước khi tiến hành xét tuyển đợt chính thức. Học viện quy đổi theo quy tắc: điểm nào cao hơn sẽ giữ lại và đưa vào xét tuyển.

BẢNG QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ			
IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (L&R/S/W)	Điểm quy đổi môn Tiếng Anh
7,0 trở lên	85-101 trở lên	850/180/180 trở lên	10
6,5	79-84	800/170/170	9,5
6,0	65-78	775/160/160	9,0
5,5	59-64	750/150/150	8,5

BẢNG QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ			
IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (L&R/S/W)	Điểm quy đổi môn Tiếng Anh
5,0	46-58	700/150/150	8,0
4,5	-	650/130/130	7,5

*Chứng chỉ được cấp không quá 02 năm tính đến ngày 31/08/2026.

BẢNG QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG HÀN / TIẾNG TRUNG		
Chứng chỉ Tiếng Hàn / Tiếng Trung	Điểm quy đổi môn Ngoại ngữ	Lưu ý: TOPIK chỉ dùng để quy đổi cho ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, HSK chỉ dùng để quy đổi cho ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
Topik 4 / HSK 4	10	
Topik 3 / HSK 3	8,0	

*Chứng chỉ được cấp không quá 02 năm tính đến ngày 31/08/2026.

5.3 Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo: Thí sinh được phân ngành theo đúng mã xét tuyển đã đăng ký từ thời điểm tuyển sinh.

5.4 Học bổng và các chính sách hỗ trợ người học

5.4.1 Học bổng khuyến khích tuyển sinh:

Quy tắc xét học bổng tuyển sinh: trong trường hợp sinh viên đủ điều kiện nhiều loại học bổng khác nhau thì sẽ nhận được 01 suất học bổng giá trị cao nhất.

TT	Tên học bổng	Tiêu chí xét học bổng	Số lượng học bổng* (dự kiến)	Số tiền cho 01 suất học bổng
1	Học bổng Thủ khoa	Sinh viên có điểm trúng tuyển cao nhất toàn trường theo phương thức xét điểm thi THPT năm 2026 trong đợt xét tuyển chính thức.	01	15.000.000
		Sinh viên có điểm trúng tuyển cao nhất toàn ngành theo phương thức xét điểm thi THPT năm 2026 trong đợt xét tuyển chính thức.	18	10.000.000
2	Học bổng Tài năng	Sinh viên đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; trúng tuyển thẳng đợt chính thức.	Không giới hạn số lượng	10.000.000
		Sinh viên đạt giải khuyến khích hoặc giải tư các kỳ thi chọn học sinh giỏi/khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; trúng tuyển theo tất cả các phương thức trong đợt chính thức.	Không giới hạn số lượng	5.000.000
		Sinh viên đạt từ 27 điểm trở lên theo phương thức xét điểm THPT trong đợt chính thức; không phải thủ khoa toàn trường/ngành. Lấy từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu.	20	5.000.000
		Sinh viên trúng tuyển ĐGNL ĐHQG-HCM đạt 920 điểm trở lên hoặc trúng tuyển ĐGNL ĐHQG-HN đạt 115 điểm trở lên trong đợt chính thức. Lấy từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu.	20	5.000.000
3	Học bổng thành tích đặc biệt	Sinh viên đạt: -IELTS 7,5 trở lên (và tương đương) áp dụng tất cả các ngành; -TOPIK 4 trở lên khi xét tuyển ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc;	100	3.000.000

TT	Tên học bổng	Tiêu chí xét học bổng	Số lượng học bổng* (dự kiến)	Số tiền cho 01 suất học bổng
		- HSK 4 trở lên khi xét tuyển ngành Ngôn ngữ Trung Quốc. Sinh viên phải nộp minh chứng cho trường trước khi xét tuyển để được quy đổi điểm và nhận học bổng sau khi nhập học. Lấy từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu.		
		Sinh viên thuộc 149 trường THPT được ưu tiên xét tuyển* và có 03 năm học sinh giỏi, đạt điểm học bạ từ 28.5 điểm trở lên; có đăng ký xét học bổng tại trường trước khi xét tuyển. Lấy từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu.	100	3.000.000
		Sinh viên đạt ĐGNL ĐHQG-HCM từ 700 điểm trở lên hoặc 75 điểm ĐGNL-HN trở lên; có đăng ký xét học bổng tại trường trước khi xét tuyển. Lấy từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu	30	3.000.000
		Sinh viên đạt điểm SAT đạt từ 1480 điểm trở lên hoặc đạt điểm ACT từ 33 điểm trở lên hoặc đạt điểm IB từ 38 điểm trở lên; có đăng ký xét học bổng tại trường trước khi xét tuyển. Lấy từ trên xuống cho đến khi đủ chỉ tiêu.	30	3.000.000
4	Học bổng sân bay Gia Bình	Từ năm học 2026-2007 cho đến năm học 2029-2030, để cung cấp nhân lực cho sân bay Gia Bình, Tân sinh viên cư trú tại tỉnh Đông Bắc bộ gồm: Hà Nội, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh và Quảng Ninh có ít nhất 01 năm theo học tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh; theo học các chuyên ngành thuộc các ngành: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Hàng không và Quản lý hoạt động bay. Áp dụng cho tất cả các phương thức xét tuyển của trường.	500	5.000.000
5	Học bổng sân bay Long Thành	Từ năm học 2024-2026 cho đến năm học 2029-2030, Tân sinh viên cư trú tại tỉnh Đồng Nai (trước sáp nhập) và có ít nhất 01 năm theo học tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh; theo học các chuyên ngành thuộc các ngành: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Hàng không và Quản lý hoạt động bay. Áp dụng cho tất cả các phương thức xét tuyển của trường.	500	5.000.000

5.4.2 Học bổng khuyến khích học tập:

Học bổng khuyến khích học tập được cấp hàng năm theo từng học kỳ dành cho sinh viên có kết quả học tập và kết quả rèn luyện từ loại Khá trở lên. Nguồn kinh phí được trích từ nguồn thu học phí của sinh viên bậc đại học hệ chính quy của Học viện và được bố trí bằng 8% học phí của học kỳ lấy điểm xét cấp học bổng.

5.4.3 Một số học bổng ngoài ngân sách Học viện:

Quỹ học bổng Chấp cánh ước mơ của Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam (VATM) dành cho sinh viên hệ Đại học chính quy của Học viện đang học các chuyên ngành, lĩnh vực mà VATM và Học viện Hàng không Việt Nam ký Thỏa thuận hợp tác gồm các ngành: Quản lý hoạt động bay, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật hàng không.

5.4.4 Chính sách miễn giảm học phí: Miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc các đối tượng chính sách theo quy định của Nhà nước

6. Tổ chức tuyển sinh:

Học viện sẽ tổ chức các đợt tuyển sinh theo quy định của Bộ:

- Đợt chính thức được tổ chức theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GDĐT. Thông báo tuyển sinh chính thức sẽ được đăng tại website <https://vaa.edu.vn>.
- Trong trường hợp đợt chính thức tuyển không đủ chỉ tiêu, Học viện sẽ tuyển thêm đợt bổ sung vào cuối tháng 08/2026. Thí sinh theo dõi thông báo tại website <https://vaa.edu.vn>
- Các đợt bổ sung khác (nếu có) Học viện sẽ có thông báo riêng.

7. Chính sách ưu tiên: xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển: 15.000 đồng/nguyên vọng.

Thí sinh đóng lệ phí xét tuyển thông qua Hệ thống của Bộ GDĐT trong kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

Học viện sẽ nhận và giải quyết khiếu nại của thí sinh trong vòng 01 tuần kể từ khi công bố kết quả trúng tuyển. Thí sinh đến phản hồi trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Học viện Hàng không Việt Nam, số 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM; hoặc gửi email về địa chỉ tuyensinh@vaa.edu.vn.

10. Các nội dung khác:

Mức học phí dự kiến khóa tuyển sinh 2026 được tính theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Học viện tổ chức 03 học kỳ/năm. Các ngành Quản lý hoạt động bay (tất cả chuyên ngành), Kỹ thuật Hàng không (tất cả chuyên ngành), Kiến trúc cảnh quan, nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật sẽ học 10 học kỳ/toàn khóa. Các ngành còn lại học 08 học kỳ/toàn khóa. Học phí học kỳ I năm học 2026-2026 của sinh viên

Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Mã xét tuyển	Tên chuyên ngành đào tạo	Học phí DỰ KIẾN HK1 năm học 2026-2027	Đơn giá tín chỉ
7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	- Tiếng Anh hàng không - Tiếng Anh du lịch, thương mại	17.050.000đ	Tín chỉ cơ bản: 1.064.000 đ

Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Mã xét tuyển	Tên chuyên ngành đào tạo	Học phí ĐƯ KIẾNHK1 năm học 2026-2027	Đơn giá tín chỉ
7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	- Ngôn ngữ Trung Quốc*	17.050.000đ	Tín chỉ chuyên ngành: 1.155.000 đ
7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	- Ngôn ngữ Hàn Quốc*	17.050.000đ	
7310109	Kinh tế số	7310109	- Kinh tế số*	17.050.000đ	
7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	- Quản trị Kinh doanh vận tải hàng không	17.050.000đ	
			- Quản trị Kinh doanh cảng hàng không		
7340115	Marketing	7340115	- Quản trị an ninh hàng không	17.050.000 đ	
			- Quản trị kinh tế không gian		
7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	- Quản trị Kinh doanh quốc tế	17.050.000 đ	
			- Quản trị Kinh doanh tổng hợp		
7340205	Công nghệ tài chính	7340205	- Kinh doanh số	17.050.000 đ	
			- Digital Marketing		
7340404	Quản trị nhân lực	7340404	- Công nghệ marketing	17.050.000 đ	
			- Thương mại quốc tế		
7480201	Công nghệ thông tin	7480201	- Công nghệ phần mềm và Trí tuệ nhân tạo	17.050.000 đ	
			748020II		- Trí tuệ nhân tạo và Internet vạn vật
			748020IB		- Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn
7510102	Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng	7510102	- Xây dựng và phát triển cảng hàng không	17.050.000 đ	
			7510102Q		- Quản lý và khai thác cảng hàng không
7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	- Điện tử ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT)	17.050.000 đ	
			7510302V		- Điện tử viễn thông và Trí tuệ nhân tạo (AI)
7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển & tự động hóa	7510303	- Thiết bị bay không người lái và Robotics	17.050.000 đ	
			7510303A		- Điện tự động cảng hàng không
7580102	Kiến trúc cảnh quan	7580102	- Kiến trúc cảnh quan*	17.050.000 đ	
7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	7810103T - Quản trị lữ hành	17.050.000 đ	
			7810103H - Quản trị nhà hàng khách sạn	17.050.000 đ	
			7810103A - Quản trị dịch vụ thương mại hàng không (tích hợp chứng nhân viên hàng không)	17.050.000 đ	
			7810103F - Quản trị ẩm thực*	17.050.000 đ	
			7810103M - Quản trị du lịch MICE và tổ chức sự kiện*	17.050.000 đ	
7840104	Kinh tế vận tải	7840104	7840104K - Kinh tế hàng không	17.050.000 đ	
			- Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	17.050.000 đ	
			- Logistics và vận tải đa phương thức		
7840102	Quản lý hoạt động bay	7840102	- Quản lý hoạt động bay	20.350.000 đ	Tín chỉ cơ bản: 1.064.000 đ
7520120	Kỹ thuật hàng không	7520120	- Hệ thống kỹ thuật quản lý bay	20.350.000 đ	
			7520120M	- Kỹ thuật hàng không	20.350.000 đ
			7520120U	- Kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay	20.350.000 đ
Các chuyên ngành học bằng Tiếng Anh			7520120U - Kỹ thuật thiết bị bay không người lái	20.350.000 đ	
			7840102E - Quản lý hoạt động bay (học bằng tiếng Anh)	22.165.000 đ	
			7840104E - Logistics và vận tải đa phương thức (học bằng tiếng Anh)	22.165.000 đ	
			7520120E - Kỹ thuật hàng không (học bằng tiếng Anh)	22.165.000 đ	
			7340101E - Quản trị hàng không (học bằng tiếng Anh)	22.165.000 đ	Tín chỉ chuyên ngành: 1.408.000 đ
					Tín chỉ Tiếng Anh: 1.502.000 đ

Mỗi năm học phí sẽ tăng không quá 10% so với năm trước đó.

Học phí nêu trên chưa bao gồm Giáo dục Quốc phòng: 2.000.000 đồng/khóa (chưa tính chi phí ăn ở sinh hoạt nội trú) và Giáo dục thể chất: 1.064.000đ/tín chỉ (NH 2025-2026).

Các chi phí khác không nằm trong học phí:

- Chứng chỉ NVHK Phục vụ mặt đất: 15.000.000 đồng/khóa
- Chứng chỉ NVHK Phục vụ hành khách: 45.000.000 đồng/khóa
- Chứng chỉ ATO
- Các chi phí đi thực tập, thực tế của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành...

DỰ THẢO



Tài nguyên số:
tailieuso.vaa.edu.vn/
opac.vaa.edu.vn

ISO 9001:2015

Địa chỉ

Trụ sở chính: 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: 18A/1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 243 Nguyễn Tất Thành, Phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa (sân bay Cam Ranh)

Hỗ trợ

Bộ phận Tuyển sinh (028) 3842 4762

Bộ phận Công tác sinh viên (028) 3842 2199

Phòng Đào tạo (028) 3844 9242

Phòng Tài chính (028) 3842 4761

Văn thư (028) 3844 2251

Fax: (028) 38447523

Văn thư info@vaa.edu.vn

Bộ phận Tuyển sinh
tuyensinh@vaa.edu.vn

Liên kết hữu ích

Đảng bộ Học viện

Công đoàn Học viện

Hội đồng học viện

Viện, Trung tâm

HD Khoa học và Đào tạo

Đoàn Thanh niên

Hội Sinh viên

SDGs

SDGs

Đơn vị

Ho Chi Minh Communist Youth Union Copy

Công khai

Mẫu văn bằng

Viện Khoa học ứng dụng và đổi mới sáng tạo

Trung tâm Nghiên cứu và phát triển số

Trung tâm Ngoại ngữ – Tin học hàng không (ALI)